

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
C.TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL

Số: 996/KTTL-QLTT
V/v kế hoạch lịch điều tiết nguồn nước
tại các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất
vụ Hè Thu và vụ Thu Đông năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 17 tháng 7 năm 2018

Kính gửi: Các chi nhánh trực thuộc Công ty

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông (Công ty) có Công văn số 229/KTTL-QLTT gửi các chi nhánh về việc thực hiện và xây dựng kế hoạch điều tiết nguồn nước các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất vụ Hè Thu và vụ Thu Đông 2018;

Trên cơ sở kế hoạch lịch điều tiết nguồn nước tại các công trình thủy lợi của các chi nhánh sau khi đã thống nhất với địa phương để phục vụ sản xuất vụ Hè Thu và vụ Thu Đông năm 2018 (chi tiết tại bảng Phụ lục kèm theo),

Nhằm chủ động trong công tác điều tiết nguồn nước, Giám đốc Công ty đề nghị các chi nhánh trực thuộc triển khai các nội dung sau:

1. Theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến thời tiết, phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức hợp tác dùng nước và nhân dân tại các công trình thủy lợi do Công ty quản lý trong công tác điều tiết nguồn nước tưới theo lịch cấp nước thời vụ sản xuất, đồng thời thống nhất với chính quyền địa phương về việc điều chỉnh kế hoạch điều tiết nguồn nước khi có sự thay đổi về thời tiết, lịch thời vụ sản xuất thực tế tại địa phương.

2. Phân công nhiệm vụ cán bộ phụ trách công trình thủy lợi phải thường xuyên bám sát địa bàn công trình, thực hiện tốt công tác quản lý - vận hành hệ thống công trình thủy lợi: Đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ; điều tiết nguồn nước phục vụ tưới, tiêu, cấp nước hợp lý không để xảy ra tình trạng thiếu nước hoặc ngập úng trong sản xuất; công tác tích nước, xả nước hồ chứa phải theo kế hoạch, thực hiện đúng quy trình đảm bảo an toàn hồ chứa và nguồn nước cuối vụ để tiếp tục chuẩn bị phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2018-2019.

3. Đối với các công trình đang triển khai thi công sửa chữa, Chi nhánh phân công cán bộ có năng lực về kỹ thuật phối hợp chặt chẽ với đơn vị thi công, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan trong việc: Đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ; đảm bảo nguồn nước để điều tiết phục vụ sản xuất theo lịch thời vụ; đảm bảo tiến độ thi công xây dựng công trình.

Nhận được Công văn này, đề nghị các chi nhánh triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- UBND các huyện, thị xã (b/cáo);
- Ban QLDA ĐTXD NN và PTNT (đ/biết);
- Chủ tịch, Kiểm soát viên Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Phòng QLCT, Ban QLDA, Xí nghiệp;
- Lưu: VT, QLTT.



PHU LUC:

BẢNG TỔNG HỢP LỊCH THỜI VỤ, KẾ HOẠCH ĐIỀU TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VỤ HÈ THU VÀ THU ĐÔNG NĂM 2018
CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Công văn số 296/KTTL-QLTT ngày 17/10/2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
A	VỤ HÈ THU NĂM 2018															
I. Chi nhánh thị xã Gia Nghĩa																
1	CTTL Hồ Fai Kol Pru Đàng, xã Đắk Nĩa															
1.1	Khu tưới: Thôn Đồng Tiến, xã Đắk Nĩa															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	11,04	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	0,11								10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
1.2	Khu tưới: Bon Fai Kol Pru Đàng, xã Đắk Nĩa															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	2,1	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20 - 30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
2	CTTL Hồ Đắk Cút, xã Đắk Nĩa															
	Khu tưới: Thôn Đắk Tân, xã Đắk Nĩa															
	Lúa	20,11	110-120					30/10 -			20-30	05-15 ; 20-30	01-15 ; 20 -30	01-15 ; 20-30		
	Rau, màu, cây ngắn ngày	7,85	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20 - 30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	2,31								10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
3	CTTL Hồ Đắk Nónh, xã Đắk Nĩa															
3.1	Khu tưới: Bon Srê Ú, xã Đắk Nĩa															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	14,45	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25	15-30	10-30		
3.2	Khu tưới: Bon Tìng Wel Đom, xã Đắk Nĩa															
	Lúa	0,66	110-120	10/7- 20/7	20/7- 30/7			30/10 - 15/11			10-30	05-15 ; 20-30	01-15 ; 20 -30	01-15 ; 20-30		
	Rau, màu, cây ngắn ngày	9,4	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25	15-30	10-30		

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (... đến ngày ...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
	Thủy sản										10-20	10-29	15-30	10-30		
4	CTTL Hồ Đắc Rial, xã Đắc Nía															
	<i>Khu tưới: Bon Bu Sốp, xã Đắc Nía</i>															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,44	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	0,56								10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
5	CTTL Hồ Thôn 2B, xã Đắc Nía															
	<i>Khu tưới: Thôn Đồng Tiến, xã Đắc Nía</i>															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	10,27	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	0,08								10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
6	CTTL Hồ Nam Dạ, xã Đắc Nía															
	<i>Khu tưới: Thôn Nam Dạ, xã Đắc Nía</i>															
	Lúa	3,11	110-120	10/7- 20/7	20/7- 30/7			30/10 - 15/11			10-30	05-15 ; 20-30	01-15 ; 20-30	01-15 ; 20-30		
	Rau, màu, cây ngắn ngày	10,03	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	5,40								01-10 ; 20- 25	10 - 20	10 - 15				
7	CTTL Hồ Nghĩa Phú, Phường Nghĩa Phú															
	<i>Khu tưới: Tổ 4, Phường Nghĩa Phú</i>															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,6	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	0,52	-							10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
8	CTTL Hồ Tổ 5, Phường Nghĩa Trung															
8.1	<i>Khu tưới: Thôn Đồng Tiến, xã Đắc Nía</i>															
	Thủy sản	0,5	-							10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
8.2	<i>Khu tưới: Tổ Dân Phố 5, Phường Nghĩa Trung</i>															

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,13	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
9	CTTL Hồ Sinh Ba, Phường Nghĩa Trung															
	<i>Khu tưới: Tổ Dân Phố 6, Phường Nghĩa Trung</i>															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,47	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	0,5								10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
10	CTTL Hồ Tô 6, Phường Nghĩa Trung															
	<i>Khu tưới: Tổ Dân Phố 5, Phường Nghĩa Trung</i>															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,9	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	0,35								10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
11	CTTL Hồ Trung Tâm, Nghĩa Đức															
11.1	<i>Khu tưới: Tổ dân phố 5, Phường Nghĩa Tân</i>															
	Lúa	2,8	110-120	10/7- 20/7	20/7- 30/7	-		30/10 - 15/11			10-30	05-15 ; 20-30	01-15 ; 20-30	01-15 ; 20-30		
	Rau, màu, cây ngắn ngày	2,7	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	2,37								10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
11.2	<i>Khu tưới: Tổ 6, Phường Nghĩa Tân</i>															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,84	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
	Thủy sản	2,89														
11.3	<i>Khu tưới: Tổ dân phố 4, Phường Nghĩa Đức</i>															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	1,66	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
11.4	<i>Khu tưới: Thôn Tân Tiến, xã Quảng Thành</i>															
	Thủy sản	0,86								10-15	10-15	05-10 ; 20-25	01-10 ; 20-25			
11.5	<i>Khu tưới: Thôn Nghĩa Tân, xã Quảng Thành</i>															

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,05	40-80				20/6 - 30/6	25/8 - 30/8		20-30	10-15 ; 20 - 25	05-10 ; 20-25				
II. Chi nhánh huyện Đắk Mil																
1.	CTTL Đắk Sắk, bon Jun Juh, xã Đức Minh															
	<i>Khu tưới: xã Đức Minh, xã Đắk Sắk</i>															
	Lúa	248,27	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
2	CTTL Thọ Hoàng, xã Đắk Sắk															
	<i>Khu tưới: xã Đắk Sắk, Đức Mạnh</i>															
	Lúa	29,42	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
3	CTTL Thái Bá Long, xã Đức Minh															
	<i>Khu tưới: Đức Minh, Đức Mạnh</i>															
	Lúa	54,67	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
4	CTTL Núi Lửa, Thôn Thuận Hạnh, xã Thuận An															
	Lúa	36,45	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
5	CTTL Bu Đắc, Bon Bu Đắc, xã Thuận An															
	Lúa	8,78	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
6	CTTL Đắk Puer, thôn Thuận Hạnh, xã Thuận An															
	Lúa	15,62	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
7	CTTL Đắk Sor, Thôn Tân Sơn, xã Long Sơn															
	Lúa	30,8	110-120		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
8	CTTL E29, thôn Đắk Sôr, xã Đắk Sắk															
	Lúa	28,76	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
9	CTTL Jun Juh, thôn Thanh Hà, xã Đức Minh															
	Lúa	20,65	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
10	CTTL Đắc Guôn Thượng, Bon Bu Đắc, xã Thuận An															
	Lúa	23,34	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
11	Hồ Ông Hiền, thôn Mỹ Yên, xã Đức Minh															
	Lúa	6,43	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
12	Hồ Tây, Khối 8, thị trấn Đức Minh															
	Lúa	15,19	115		15-20/6	10-15/7		01-30/10			01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	01-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	
III. Chi nhánh huyện Đắc G'Long																
1	CTTL Dạ Hang Lang, xã Đắc R'măng															
	Khu tưới thôn 1, xã Đắc R'măng															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	27,881	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15 - 20	05 - 10 25 - 30	15 - 20			
2	CTTL Đắc Snao, xã Đắc R'măng															
	Khu tưới thôn 4, xã Đắc R'măng															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	16,119	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15 - 20	05 - 10 25 - 30	15 - 20			
3	CTTL Đèo 52, xã Quảng Sơn															
	Khu tưới thôn 4, xã Quảng Sơn															
	Lúa	21,877	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01 - 05 25 - 30	15 - 20	05 - 10 25 - 30	10 - 15	10 - 15	Gieo sạ
4	CTTL Đắc Snao 2, xã Quảng Sơn															
	Khu tưới thôn 4, xã Quảng Sơn															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0,214	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15 - 20	05 - 10 25 - 30	15 - 20			

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
5	CTTL Đắc Snao 3, xã Quảng Sơn															
	Khu tưới thôn 4, xã Quảng Sơn															
	Lúa	1,797	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01 - 05 25 - 30	15 - 20	05 - 10 25 - 30	10 - 15	10 - 15	Gieo sạ
6	CTTL Đắc N'Der 2, xã Quảng Sơn															
	Khu tưới thôn Quảng Hợp, xã Quảng Sơn															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	1,429	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15 - 20	05 - 10 25 - 30	15 - 20			
7	CTTL Thôn 3B Bon Sa Nar, xã Quảng Sơn															
	Khu tưới Bon Sa Nar, xã Quảng Sơn															
	Lúa	2,000	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01 - 05 25 - 30	15 - 20	05 - 10 25 - 30	10 - 15	10 - 15	Gieo sạ
8	CTTL Thôn 1, xã Đắc Ha															
	Khu tưới thôn 1, xã Đắc Ha															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	10,266	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15 - 20	05 - 10 25 - 30	15 - 20			
9	CTTL Đắc Bông, xã Đắc Ha															
	Khu tưới thôn 3, xã Đắc Ha															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,573	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15 - 20	05 - 10 25 - 30	15 - 20			
10	CTTL Đắc Ha, xã Đắc Ha															
	Khu tưới thôn 3, xã Đắc Ha															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	27,300	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15 - 20	05 - 10 25 - 30	15 - 20			
11	CTTL Trảng Ba, xã Đắc Ha															
	Khu tưới thôn 4, xã Đắc Ha															
	Lúa	27,607	100 - 120	20/6 - 05/7	25/6 - 10/7			30/9 - 25/10			01 - 05 25 - 30	15 - 20	05 - 10 25 - 30	10 - 15	10 - 15	Gieo sạ

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	5,841	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15 - 20	05 - 10 25 - 30	15 - 20			
12	CTTL Đắc R'Tiêng, xã Đắc Ha															
	Khu tưới thôn 7, xã Đắc Ha															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	47,820	60 - 80				02/7 - 25/7	01/9 - 21/9			15 - 20	05 - 10 25 - 30	15 - 20			
IV. Chi nhánh huyện Đắc Song																
1	CTTL Đắc Toa, xã Thuận Hà															
	Lúa	7,48	90-110	18/06- 25/06	18/06- 25/06	30/06- 06/07				18-30	10-25	05-20	01-20	Thu hoạch	Thu hoạch	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	126,70	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10 Thu hoạch				
2	CTTL Đắc Tiên Tranh, xã Thuận Hà															
	Lúa	44,25	90-110	18/06- 25/06	18/06- 25/06	30/06- 06/07				18-30	10-25	05-20	01-20	Thu hoạch	Thu hoạch	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	145,20	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10 Thu hoạch				
3	CTTL Đắc Mól, xã Đắc Hòa															
	Lúa	60,33	90-110	20/06- 27/06	20/06- 27/06	01/07- 27/07				20-27	01-27	01-20	01-20	Thu hoạch	Thu hoạch	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	13,97	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10 Thu hoạch				
	Thủy sản	3,14														
4	CTTL Y Oanh, xã Đắc Mól															
	Lúa	39,65	90-110	20/06- 27/06	20/06- 27/06	01/07- 27/07				20-27	01-27	01-20	01-20	Thu hoạch	Thu hoạch	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	2,01	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10				

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (... đến ngày ...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
												Thu hoạch				
	Thủy sản	0,89														
5	CTTL Cự Phong, xã Đắc Mol															
	Lúa	12,58	90-110	20/06- 27/06	20/06- 27/06	01/07- 27/07				20-27	01-27	01-20	01-20	Thu hoạch	Thu hoạch	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	1,02	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10 Thu hoạch				
6	CTTL Đắc Lép, xã Năm N'Jang															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	149,49	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10 Thu hoạch				
	Thủy sản	4,26														
7	CTTL Năm N'Jang, xã Năm N'Jang															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	16,4	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10 Thu hoạch				
	Thủy sản	0,36														
8	CTTL Đắc Kuăl, xã Đắc N'Drung															
	Thủy sản	1,25														
9	CTTL Đắc Pông Pê, xã Đắc N'Drung															
	Lúa	5,16	90-110	17/06- 24/06	24/06/01 /07	10/07- 18/07				17-30	01-25	01-20	01-25	Thu hoạch	Thu hoạch	
10	CTTL Sinh Muống, xã Thuận Hạng															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	39,96	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10 Thu hoạch				
11	CTTL Thuận Thành, xã Thuận Hạng															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	19,08	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10				

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (... đến ngày ...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
												Thu hoạch				
	Thủy sản	3,99														
12	CTTL Đăk M'Roung, xã Thuận Hạnh															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	35,87	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10				
	Thủy sản	4,95										Thu hoạch				
13	CTTL Thuận Tân, xã Thuận Hạnh															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	31,88	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10				
	Thủy sản	2,21										Thu hoạch				
14	CTTL Đăk Nhai, xã Trường Xuân															
	Lúa	5,41	90-110	14/06-21/06	14/06-21/06	24/06-01/07				14-30	01-28	01-25	01-30	Thu hoạch	Thu hoạch	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,96	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10				
	Thủy sản	0,32										Thu hoạch				
15	CTTL Thôn 2, xã Trường Xuân															
	Lúa	6,97	90-110	14/06-21/06	14/06-21/06	24/06-01/07				14-30	01-28	01-25	01-30	Thu hoạch	Thu hoạch	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,50	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10				
	Thủy sản	1,56										Thu hoạch				
16	CTTL Thôn 3, xã Trường Xuân															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	9,09	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10				
												Thu hoạch				

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
17	CTTL Đắc Cai, xã Trường Xuân															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,28	60-80				25/05-10/06	01/08-10/08		25-30	01-20	01-10 Thu hoạch				
V. Chi nhánh huyện Krông Nô																
1	CTTL Đăk Nang, xã Đăk Nang															
	Lúa	110,81	100-120	1/6- 20/6	20/6-15/7			1/9-20/9		20-30	10-20	10-20	Thu hoạch			Gieo sạ
	Rau, màu, cây ngắn ngày	17,62	60-80				01/7-15/7	15/9-30/9			01-15	01-10 Thu hoạch				
2	CTTL Đăk Nang xã Đức Xuyên															
	Lúa	87,00	100-120	03/6- 15/6	16/6-30/6			10/10-20/10			01-10 20-30	01-10 Thu hoạch	01-10 Thu hoạch			Gieo sạ
	Rau, màu, cây ngắn ngày	42,16	60-80				20/7-10/8	10/10-25/10			20-30	10-20	01-10	Thu hoạch		
3	CTTL Đăk Mâm xã Nam Đà															
	Lúa	187,67	100-120	15/6- 30/6	01/7-20/7			1/9-20/9			10-20 25-31	10-20 Thu hoạch	Thu hoạch			Gieo sạ
	Rau, màu, cây ngắn ngày	94,57	-	-			01/7-15/7	15/9-30/9			01-15	01-10 ; 20-31	Thu hoạch			
4	CTTL Đăk Rồ xã Đăk Drô															
	Lúa	82,20	100-120	1/6- 15/6	20/6-30/6			1/10-15/10			10-25	10-20	01-10 ; 15-25	Thu hoạch		Gieo sạ
	Rau, màu, cây ngắn ngày	189,49	60-80				20/7-10/8	10/10-25/10			20-30	10-20	05-20	Thu hoạch		
5	CTTL Đăk Mhang, xã Năm Nung															
	Lúa	25,49	100-120	20/7- 5/8	10/8-30/8			15/11-30/11				01-10 ; 20-30	10-20	01-15	Thu hoạch	Gieo sạ

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngăn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
6	CTTL Buôn Lang, xã Quảng Phú															
	Lúa	19,36	100-120	20/7- 5/8	10/8-30/8			15/11-30/11			20-30	10-20	01-10 ; 20-30	10-25	Thu hoạch	Gieo sạ
7	CTTL Buôn Dong, xã Quảng Phú															
	Lúa	22,27	100-120	20/7- 5/8	10/8-30/8			25/10-10/11				10-20	01-10 ; 20-30	10-25	Thu hoạch	Gieo sạ
VI. Chi nhánh huyện Cư Jút																
1	CTTL Đắk Diêr, xã Cư Knia															
	Lúa	399,68	100-120	03/6- 18/6	18/6-24/6			15/10-30/10		03-18 ; 25/6-07/7	08/7-05/8	06-16 ; 17/8-02/9	06-16 ; 17-30	01-12		Gieo sạ
2	CTTL Đắk Đ'rông, xã Đắk Đrông															
	Lúa	433,21	100-120	31/5- 13/6	13/6-19/6			25/10-10/11	31/5- 13/6	20/6-02/7	03-28 ; 29/7- 09/8	10-25 ; 26/8-09/9	26/8-09/9 ; 10-30	01-05		Gieo sạ
3	CTTL Ea Dier, xã Đắk Đrông															
	Lúa	26,7	100-120	31/5- 13/6	13/6-19/6			25/10-10/11	31/5- 13/6	20/6-02/7	03-28 ; 29/7- 09/8	10-25 ; 26/8-09/9	26/8-09/9 ; 10-30	01-05		Gieo sạ
4	CTTL Trúc Sơn, xã Trúc Sơn															
	Lúa	36,84	100-120	16/6- 25/6	26/6-05/7			05/11-20/11		16-25	05-17 ; 18-31	01-13 ; 14-24	25/8-10/9 ; 11-24	25/9-20/10		Gieo sạ
5	CTTL Cư Pu, xã Nam Dong															
	Lúa	49,7	Hệ thống kênh tưới hư hỏng, chưa sửa chữa, không thể điều tiết nước													
VII. Chi nhánh huyện Tuy Đức																
1	Hồ Đắk Buk So, xã Đắk Buk So															
	Lúa	5,38	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
2	Hồ Doãn Văn, xã Đắk R'Tih															
	Lúa	11,12	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
3	Hồ Đắc Ría, xã Đắc R'Tih															
	Lúa	5,60	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
4	Hồ Đắc R'Tih, xã Đắc R'Tih															
	Khu tưới xã Đắc R'Tih, xã Quảng Tâm															
	Lúa	33,10	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
5	Hồ Đắc Bliêng, xã Đắc R'Tih															
	Lúa	32,76	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
6	Đập dâng Đắc Huýt 3, xã Quảng Trục															
	Lúa	6,51	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
7	Hồ Đắc Huýt, xã Quảng Trục															
	Lúa	17,62	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
8	Đập dâng Đắc Huýt 2, xã Quảng Trục															
	Lúa	12,63	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
9	Hồ Đắc Ké, xã Quảng Trục															
	Lúa	9,90	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
10	Hồ Đắc Ké 2, xã Quảng Trục															
	Lúa	0,30	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
11	Hồ Bon Đắc Bu Lum, xã Quảng Trục															
	Lúa	1,10	120		20-30/7			20/11-30/11			15-20; 25-28	Mở luân phiên 2 ngày, đóng 5 ngày				Gieo sạ
VIII. Chi nhánh huyện Đắc R'Lấp																
1	CTTL Đập Đắc Kar Xã Đắc Ru									Đóng						

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (... đến ngày ...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
	Khu tưới: Thôn 8									cánh phai trần để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa	Đóng cánh phai trần để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa	Đóng cánh phai trần để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa	Đóng cánh phai trần để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa	Đóng cánh phai trần để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa		Gieo sạ
2	CTTL Hồ Bu Ja Rá Xã Nghĩa Thắng															
	Khu tưới: Thôn Quảng Trung															
	Lúa	2,00	110-120	25/6- 30/6	1/7-5/7			15/10-30/10		Mở liên tục các ngày trong tháng	Mở liên tục các ngày trong tháng	Mở liên tục các ngày trong tháng	Mở liên tục các ngày trong tháng	Đóng van cổng tích nước từ ngày 1/10/2018 (Lập kế hoạch tích nước hồ đuôi quặng của Alumin)		Gieo sạ
3	CTTL Hồ Cầu Tư, xã Nghĩa Thắng															
	Khu tưới: Thôn Bù Đốp															
	Lúa	5,05	110-120	28/6- 5/7	6/7-10/7			20/10-5/11		Mở liên tục các ngày trong tháng	Mở liên tục các ngày trong tháng	Mở liên tục các ngày trong tháng	Đóng van cổng tích nước từ ngày 15/9/2018			Gieo sạ
4	CTTL ĐD Quảng Chánh Xã Nghĩa Thắng															
	Khu tưới: Thôn Quảng Chánh															
	Lúa	6,50	110-120	1/7- 10/7	11/7-15/7			25/10-5/11		Đóng cánh phai trần, để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa	Đóng cánh phai trần, để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa	Đóng cánh phai trần, để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa	Đóng cánh phai trần, để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa	Đóng cánh phai trần, để tăng cao trình mực nước để sản xuất vụ mùa		Gieo sạ

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (.... đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Công tác vận hành điều tiết nước (tháng/ngày)							Ghi chú
				Làm đất	Gieo mạ	Cấy			Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	
B	VỤ THU ĐÔNG															
I. Chi nhánh huyện Krông Nô																
	CTTL Đập Dâng Thanh Sơn xã Nam Xuân															
	Rau, màu, cây ngắn ngày	59	60-80	1/8-15/8	15/8-25/8			15/10-30/10					10-25	10-25		
													10-25	Thu hoạch		

Ghi chú: Căn cứ tình hình diễn biến thời tiết, lịch thời vụ sản xuất thực tế của nhân dân tại các khu tưới, kế hoạch điều tiết nước điều chỉnh thay đổi để phù hợp với nhu cầu dùng nước thực tế tại địa phương.